TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST-KDTM	*Sầm Sơn, ngày 23 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 68; Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290; Điều 305; Điều 471; khoản 1, khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476; điểm b khoản 1 Điều 318; khoản 1, khoản 3 Điều 342; Điều 715 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357; Điều 468; điểm c, khoản 1, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án)

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15/01/2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2017/TLST-KDTM ngày 11/7/2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trung T - Chức vụ: Giám đốc, Chi nhánh Thanh Hóa, phòng giao dịch M.

Địa chỉ: số 146, phố M, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH xây dựng T.

Địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H- Giám đốc công ty.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Lê Văn V - sinh năm 1967 và bà Lê Thị Q – sinh năm 1969 (bà Q đã ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng). Địa chỉ: Phố M, phường Q , thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2/ Ông Lê Văn V (đã chết); bà Đoàn Thị C – sinh năm 1943; anh Lê Minh Q – sinh năm 1977; chị Lê Thị T – sinh năm 1979. Địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S. Ông V và bà C có các con là: bà Lê Thị V – sinh năm 1965, bà Lê Thị Q – sinh năm 1969, bà Lê Thị P– sinh năm 1972, bà Lê Thị Q - sinh năm 1976 và anh Lê Minh Q – sinh năm 1977 (Tất cả đều ủy quyền cho anh Q tham gia tố tụng).

3/ Ông Lê Văn T – sinh năm 1967 và bà Lê Thị H - sinh năm 1969 (ông T đã ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng). Địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

4/ Ông Lê Văn Đ – sinh năm 1972 và bà Lê Thị Q – sinh năm 1976 (ông Đ đã ủy quyền cho bà Q tham gia tố tung). Địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

5/ Ông Lê Văn Á – sinh năm 1948. Địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

6/ Ông Lê Văn Đ - sinh năm 1962 và bà Lê Thị V – sinh năm 1965 (bà V đã ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng). Địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

7/ Ông Lê Trọng D – sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1963 (bà C đã ủy quyền cho ông D tham gia tố tụng). Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 06/5/2010, Công ty TNHH Xây dựng T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 201001638/HĐTD với Ngân hàng N số tiền là: 5.000.000.000đ *(Năm tỷ đồng chẵn)*; Mục đích vay vốn: Kinh doanh xây dựng; Thời hạn hạn mức tín dụng: 12 tháng; Lãi suất: 14,4%/năm. Số tiền vay tính từ ngày 08/11/2010 đến ngày 12/01/2011. Ngân hàng nông nghiệp đã giải ngân vốn vay làm 09 lần, tổng số tiền 4.860.000.000đ *(Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).*

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng số 201001638/HĐTD ngày 06/05/2010 đến nay Công ty T đã thanh toán được cho ngân hàng các khoản sau:

- Khoản nợ ngày 08/11/2010 số tiền vay 650.000.000đ; đã trả được 629.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 21.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 11/11/2010 số tiền vay 224.000.000đ; đã trả được 205.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 19.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 12/11/2010 số tiền vay 830.000.000đ; đã trả được 760.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 70.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 18/11/2010 số tiền vay 640.000.000đ; đã trả được 630.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 10.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 14/12/2010 số tiền vay 502.000.000đ; đã trả được 280.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 222.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 15/12/2010 số tiền vay 450.000.000đ; đã trả được 380.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 70.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 22/12/2010 số tiền vay 550.000.000đ; đã trả được 49.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 501.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 23/12/2010 số tiền vay 180.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 180.000.000đ.

- Khoản nợ ngày 12/01/2011 số tiền vay 834.000.000đ; còn dư nợ số tiền: 834.000.000đ.

Ngân hàng N yêu cầu công ty T thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi đến ngày 15/6/2017. Trong đó tổng số tiền phải thanh toán là 6.760.163.423đ *(Sáu tỷ bảy trăm sáu mươi triệu một trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng),* cụ thể như sau: Nợ gốc là 1.927.000.000đ; nợ lãi là 4.833.163.423đ *(Trong đó: Nợ lãi trong hạn: 3.248.488.898đ và nợ lãi quá hạn: 1.584.674.525đ).*

Hai bên thỏa thuận đến ngày 08/02/2018 công ty T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Nsố tiền nợ đến ngày 15/6/2017 là: 6.760.163.423đ *(Sáu tỷ bảy trăm sáu mươi triệu một trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng)*. Tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Ncó quyền yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm bao gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (Giấy CNQSDĐ số CB 749244 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 21/10/2015) tại thửa số 1553, tờ bản đồ số 02, diện tích 362 m^2 của hộ ông Lê Văn V: Thôn T, xã Q, huyện Q (Nay là Khu phố T, phường Q, thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (Giấy CNQSDĐ số E 0163791 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/10/1994), mang tên ông Lê Văn V: Thôn T, xã Q, huyện Q (Nay là Khu phố T, phường Q, thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (Giấy CNQSDĐ số E 0163069 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/10/1994) mang tên ông Lê Văn Á: Thôn T, xã Q, huyện Q (Nay là Khu phố T, phường Q, thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (Giấy CNQSDĐ số G 430520 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 01/08/1995) mang tên ông Lê Văn T: Thôn T, xã Q, huyện Q (Nay là Khu phố T, phường Q, thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (Giấy CNQSDĐ số 2703020143 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31/12/1997) mang tên ông/bà Lê Trọng D – Nguyễn Thị C: khu phố T, phường T, thị xã S (Nay là thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

Ngân hàng N không yêu cầu xử lý 02 tài sản bảo đảm sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (Giấy CNQSDĐ số E 0163367 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/10/1994) mang tên bà Lê Thị T: Thôn T, xã Q, huyện Q (Nay là Khu phố T, phường Q, thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (Giấy CNQSDĐ số AC 064896 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 27/06/2005) mang tên ông/bà Lê Văn Đ – Lê Thị V: Thôn T, xã Q T, huyện Q (Nay là Khu phố T, phường Q, thành phố S), tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng T phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 57.380.000đ *(Năm mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng).*

Trả lại cho Ngân hàng N – Phòng Giao dịch M số tiền tạm ứng án phí 69.800.000đ *(Sáu mươi chín triệu, tăm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0006176 ngày 05/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND TP. Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi